

Số: 39 /BC-LCU

Từ Sơn, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên trường: Trường Phổ thông Liên cấp (PTLC) Lý Công Uẩn.

2. Địa chỉ:

- Khu liên hợp Khoa học Đào tạo, Đình Bảng, Thành Phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

- Hotline: 0826.55.11.55

- Email: contact@lcu.edu.vn

- Website: lcu.edu.vn.

- Fanpage: facebook.com/lcu.edu.vn.

3. Loại hình: Trường tư thục, đơn vị hạch toán độc lập.

- Đơn vị bảo trợ: Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam

- Đơn vị quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh.

4. Sứ mệnh – Mục tiêu

a) Sứ mệnh

- “Lấy học sinh làm trung tâm” trong mọi tổ chức và hoạt động của nhà trường.

- Cung cấp môi trường giáo dục với cơ sở vật chất xanh, sạch, đẹp, hiện đại, an toàn.

- Quy tụ đội ngũ sư phạm vững chuyên môn, có trách nhiệm và tận tâm với học sinh.

- Áp dụng hình thức “học đi đôi với hành” bằng các phương pháp tiên tiến.

- Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc song song với việc tiếp thu những nền văn hóa quốc tế.

b) Mục tiêu



- Học sinh được học những kiến thức cơ bản theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo với phương pháp tối ưu theo hướng giáo dục phổ thông mới.

- Học sinh được rèn luyện trong môi trường kỉ luật, xây dựng ý thức tự giác và hình thành phương pháp tự học, có kỹ năng đọc sách, giúp học sinh hòa nhập vào các khóa đào tạo của các trường cao đẳng, đại học trong và ngoài nước, cũng như môi trường làm việc ngay sau khi tốt nghiệp cấp THPT.

- Học sinh được khuyến khích sáng tạo, nâng cao khả năng suy luận, năng lực tư duy, hoạt động tự chủ và độc lập.

- Học sinh được chăm sóc để phát triển toàn diện, mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội để đáp ứng được mọi yêu cầu trong giai đoạn hội nhập quốc tế của đất nước.

- Học sinh được hun đúc niềm tự hào dân tộc, từ đó biến thành động cơ học tập vì sự hưng thịnh của quốc gia, dân tộc.

5. Lịch sử hình thành:

- Trường PTLC Lý Công Uẩn, thành lập từ năm 2018, là trường tư thục nằm trong hệ thống giáo dục quốc gia; Trường thuộc địa bàn TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Trường PTLC Lý Công Uẩn được đầu tư đầy đủ CSVC, có đội ngũ giáo viên đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Học sinh của trường chủ yếu đến từ khu vực Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội và TP Từ Sơn, huyện Tiên Du.

6. Thông tin liên hệ:

- Người đại diện pháp luật: TS. Vũ Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT.

- Đại diện uỷ quyền: Ths. Lê Cẩm Lê – Hiệu trưởng

- Điện thoại: 0826.55.11.55

- Email: lecamle@lcu.edu.vn

- Nơi làm việc: Văn phòng Hiệu trưởng, Trường PTLC Lý Công Uẩn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập:

- Quyết định số: 226 /QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bắc Ninh, ngày 12 tháng 02 năm về việc cho phép thành lập Trường Phổ thông liên cấp Lý Công Uẩn trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh.

- Quyết định số: 232/QĐ-SGDĐT của Sở GD&ĐT Bắc Ninh ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc cho phép Trường Phổ thông liên cấp Lý Công Uẩn tổ chức hoạt động giáo dục.

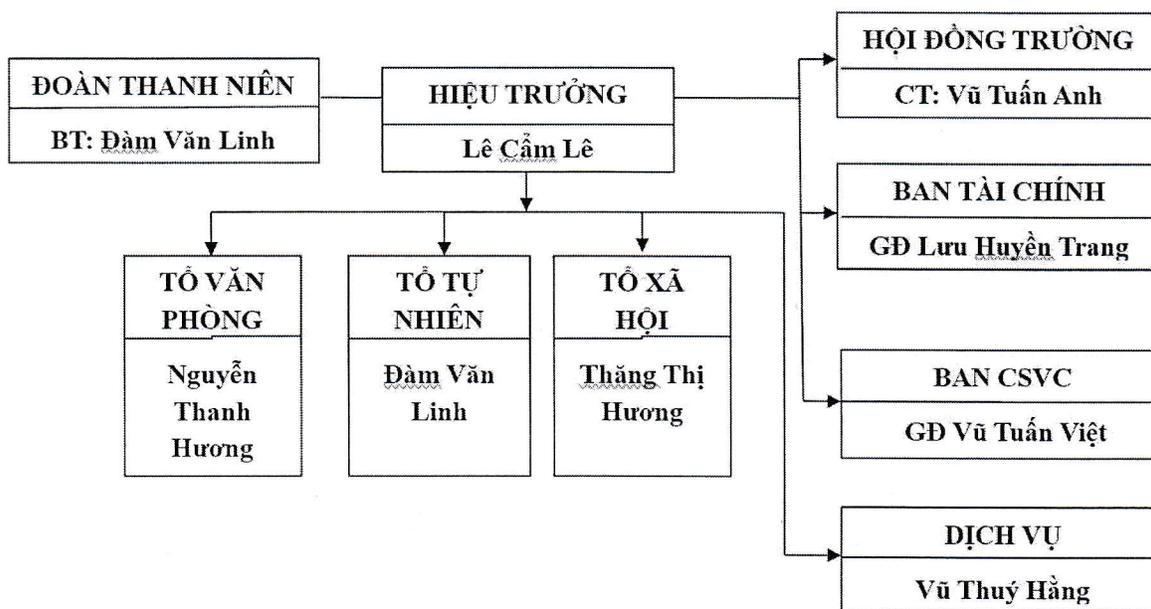
b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường;

- Quyết định số: 188 /QĐ-SGDĐT của Sở GD&ĐT Bắc Ninh ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận Hội đồng trường Trường Phổ thông liên cấp Lý Công Uẩn nhiệm kỳ 2022-2027.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng (nhà trường không có hiệu phó):

- Quyết định số: 259 /QĐ-SGDĐT, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Sở GD&ĐT Bắc Ninh về việc công nhận bà Lê Cẩm Lê giữ chức Hiệu trưởng Trường PTLC Lý Công Uẩn.

Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường PTLC Lý Công Uẩn



d) Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục

- Các nội quy, quy chế liên quan đến hoạt động, giáo dục

- Kế hoạch giáo dục các năm học

(Chi tiết các hồ sơ của trường được lưu trữ trên hệ thống Sharepoint)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Trường PTLC Lý Công Uẩn hiện nay mới chỉ có cấp THPT, chưa tuyển sinh cấp Tiểu học và THCS. Số lượng CB, GV, NV: 25 trong đó

- CBQL: 01 (Hiệu trưởng, Thạc sỹ)
- GV: 19 (10 trình độ đại học và 9 thạc sỹ) trong đó có 9 cơ hữu và 10 thỉnh giảng (47%); 02 giáo viên dạy kỹ năng, CLB (trong đó có 01 tiến sỹ) nâng tổng số giáo viên tham gia giảng dạy lên 21 (không tăng không giảm so với năm 2023 – 2024)
- Tỷ lệ giáo viên/ học sinh: 1/5,4
- Tổ văn phòng: 05 nhân viên.

	Môn học	2023 – 2024	2024 - 2025
	Ngữ văn	2	2
	Toán	3	3
	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	3	3
	GDTC	1	1
	Giáo dục QP và AN	1	1
Nhóm môn KHXH	Lịch sử	2	2
	Địa lý	1	1
	GD KT và PL	1	1
Nhóm môn KHTN	Vật lí	1	1
	Hóa học	1	1
Nhóm môn CN và nghệ thuật,	STEM	1	1
	Tin học	2	2
Kỹ năng	Quản lí tài chính cá nhân	1	1
	Võ thuật	1	1
Tổng số giáo viên		21	21

- 100% cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

CSVC của trường PTLC Lý Công Uẩn nằm trong quần thể dự án "Khu liên hợp khoa học đào tạo" với tổng diện tích 20 ha chia làm các phân khu phù hợp với các cấp học từ mầm non đến đại học nên trường được sử dụng hầu hết các cơ sở vật chất trên toàn dự án. Các phòng học và phòng chức năng được bố trí đầy đủ đảm bảo đạt và vượt tiêu chuẩn đã quy định, phân chia thành các khu với các chức

năng khác nhau. Các phòng học được thiết kế với quy mô từ 28 đến 40 học sinh (bình quân số lớp dưới 28 học sinh);

- Số lượng điểm trường: 01
- Diện tích đất cơ sở giáo dục: 28.000 m² nằm trong khuôn viên dự án với tổng diện tích 20 ha
- Tiện ích: Nhà đa năng, Sân bóng đá, sân bóng rổ, Sân chơi, Sân vận động ngoài trời. Ngoài ra còn có các khu phụ trợ: bể bơi; công viên cảnh quan, khu vực thao trường huấn luyện quân sự.
- Khối hiệu bộ - quản trị: Có đủ các phòng chức năng đảm bảo chuẩn theo quy định. Khu vực văn phòng và lớp học có mạng Wifi phục vụ cho học tập và giảng dạy; 100% giáo viên có laptop (nhà trường có 05 máy sử dụng chung cho giáo viên khi cần)

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
I	Địa điểm, quy mô, diện tích	x	x		1		x
II	Phòng học, phòng chức năng						
2.1	Khối phòng học tập	x	x	Phòng	12		x
2.2	Khối phòng hỗ trợ học tập	x	x	Phòng	03		x
2.3	Khối phụ trợ	x	x	Phòng	06		x
2.4	Khu sân chơi, thể dục thể thao (10.000 m ² sd riêng)	x	x	Sân bãi	03		x
	20.000 m ² chung của dự án			Sân bãi			
2.5	Khối phục vụ sinh hoạt	x	x	Phòng	03		x
2.6	Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; cấp điện; chữa cháy	x	x	Điều 14 mục 7	Đạt		x
2.7	Thiết bị, hệ thống mạng Internet (phòng máy hs 30, 5 dự phòng và giáo viên 5)	x	x	Bộ	40		x
2.8	Phòng nghỉ bán trú cho học sinh	x		Học sinh	120		x
2.9	Phòng nghỉ trưa giáo viên		x	Chỗ	20		x

11/10 - 20/11

Thông kê danh mục thiết bị dạy học và văn phòng

TT	Danh mục	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu công cụ, dụng cụ hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018 (mô tả rõ tình trạng)	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
I	Công cụ, dụng cụ văn phòng						
1.1	Máy tính		x	Bộ	10		x
1.2	Máy photocopy		x	Bộ	01		x
1.3	Máy in		x	Bộ	03		x
1.4	Bàn ghế văn phòng		x	Bộ	35		x
II	Công cụ, dụng cụ chuyên dùng						
2.1	Thiết bị thí nghiệm Lý	x	x	Bộ	15		x
2.2	Thiết bị thí nghiệm Sinh	x	x	Bộ	15		x
2.3	Thiết bị thí nghiệm Hóa	x	x	Bộ	15		x
2.4	Thiết bị học STEM, CN	x	x	Bộ	15		x
2.4	Thiết bị học Thẻ đục, Võ thuật	x	x	Bộ	01		x
2.4	Thiết bị học Toán	x	x	Bộ	15		x
2.5	Thiết bị dạy Sử	x	x	Bộ	30		x
III	Công cụ, dụng cụ lớp học						
3.1	Laptop		x	Máy	05		x
3.2	Tranh ảnh trang bị giảng dạy	x	x	Bộ	10		x
IV	Công cụ, dụng cụ khác						
4.1	Máy chủ		x	Bộ	01		x
4.2.	Âm thanh, Camera		x	Bộ	01		x

- Nhà trường không có các phòng nhà cấp 4 và các phòng học xuống cấp; CSVC của trường được đầu tư mới và đưa vào sử dụng từ năm 2013 trong quần thể dự án; CSVC được duy tu cải tạo hàng năm; toàn bộ CSVC phòng học được xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn, cụ thể:
 - 100% phòng học có đầy đủ điều hòa, tivi và cả máy chiếu với số lớp không vượt quá 28 học sinh/lớp, các bộ lớp học đều có camera giám sát tivi và máy chiếu. Bình quân chỉ tiêu diện tích đạt 4.5 m²/học sinh (tiêu

chuẩn 1.5 m²/học sinh) đối với lớp học và các phòng học chuyên môn, công nghệ tin học đạt chuẩn 3.5 m²/học sinh vượt so với tiêu chí 2 – 2.45 m²/học sinh;

- 02 phòng thí nghiệm Lý và Hóa - Sinh với đầy đủ thiết bị cho học sinh/tiết/phòng học tập diện tích 75 m²/phòng;
- 01 phòng máy tính thực hành của học sinh với số lượng máy 30 máy (luôn dự phòng 05 máy để thay thế khi cần). Đối với giáo viên nhà trường trang bị 05 máy giảng dạy dùng chung và 100% giáo viên sử dụng laptop và máy tính bảng cho công việc; Toàn trường có hệ thống Wifi băng thông rộng;
- 01 thư viện diện tích 75m² cho học sinh và phòng đọc riêng cho giáo viên.
- Các phòng học chuyên môn như đàn, mỹ thuật, STEM và các CLB học tập, nghệ thuật, thể thao... có diện tích từ 35 m² đến 130 m².

Công cụ dụng cụ hoạt động dạy học, giáo dục

TT	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu thiết bị dạy học, giáo dục hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018 (mô tả rõ tình trạng)	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
I	Thiết bị dùng chung						
1.1	Máy tính	x	x	Bộ	40		x
1.2	Máy chiếu	x	x	Chiếc	06		x
1.3	Tivi	x	x	Chiếc	15		x
II	Bàn ghế dạy học lớp						
2.1	Lớp 10	x	x	Bộ	80		x
2.2	Lớp 11	x	x	Bộ	75		x
2.3	Lớp 12	x	x	Bộ	75		x
III	Thư viện						
3.1	Sách giáo khoa tham khảo cho giáo viên, học sinh	x	x	Bộ	30		x
3.2	Sách đọc tại thư viện	x	x	Quyển	250		x
3.3	Sách tài liệu điện tử	x	x	Quyển	10.000		x

- Khu bếp ăn, căng tin được kiểm soát theo tiêu chuẩn đảm bảo quy định ATTP và PCCC, đảm bảo phục vụ cho toàn bộ học sinh và giáo viên, cán bộ.

	Nội dung	Số lượng(m ²)
1	Nhà bếp	Sử dụng bếp của đơn vị cung cấp dịch vụ cho toàn bộ học sinh, sinh viên, giáo viên trong dự án
2	Nhà ăn	180 (03 phòng ăn học sinh với tổng số chỗ 90 chỗ)

- Khu vệ sinh của trường gồm có 02 nhà vệ sinh Nam/Nữ mỗi tầng; Khu vệ sinh được lau dọn từ 04-08 lần/ngày (tùy theo điều kiện thời tiết có thể tăng thêm số lần) nhằm đảm bảo vệ sinh, tất cả các khu vệ sinh đều có cửa sổ và sử dụng ánh sáng tự nhiên, đảm bảo thông thoáng, vệ sinh;

	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	1	0	2/2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0		

- Khu vực sân tập thể thao, nhà thi đấu đều có các khu vệ sinh Nam/Nữ riêng
- Toàn bộ các cơ sở vật chất luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về ánh sáng, có tường rào bao quanh khuôn viên toàn bộ dự án và khu vực trường, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, PCCC đáp ứng theo quy định.
- Thư viện: Nhà trường xây dựng thư viện trực tuyến trên nền tảng Microsoft Office 365 sở hữu hơn 10.000 đầu sách, báo và 02 phòng đọc với hàng trăm đầu sách.
- Khu vực sân tập thể dục, thể thao có diện tích trên 10.000 m² (tính bình quân trên 10 m²/học sinh) với các tiện ích sân bóng rổ, bóng đá, khu thể dục... Bên cạnh đó còn có các sân tập sử dụng trong toàn dự án với diện tích lên tới 20.000 m² và nhà thi đấu trong nhà, khu thao trường huấn luyện quân sự
- Học liệu: Học sinh được cung cấp sách giáo khoa và học liệu cho từng môn học.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong năm học 2024-2025:

1. Sách giáo khoa 10

TT	Tên sách	Tổng Chủ biên/ Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
2	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
3	Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong	Giáo dục Việt Nam
4	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	
6	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	

11

7	Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Giáo dục Việt Nam
8	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báo (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải	Giáo dục Việt Nam
9	Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Vũ Anh Tuấn	Giáo dục Việt Nam
10	Chuyên đề học tập Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Vũ Anh Tuấn	Giáo dục Việt Nam
11	Sinh học 10 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa, Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thúy, Đoàn Văn Thược	Giáo dục Việt Nam
12	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Phan Duệ Thanh, Trần Thị Thúy, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
13	Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thê Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hương	Đại học Sư phạm
14	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thê Bình, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Hiền	Đại học Sư phạm
15	Địa lí 10 (Cánh Diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung	Đại học Sư phạm
16	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Cánh Diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Đại học Sư phạm

17	Mĩ thuật 10: Hội họa (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh	Đại học Sư phạm
18	Mĩ thuật 10: Kiến trúc (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang	Đại học Sư phạm
19	Mĩ thuật 10: Lí luận và lịch sử mỹ thuật (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đào Thị Thúy Anh, Trịnh Văn Sinh	Giáo dục Việt Nam
20	Mĩ thuật 10: Thiết kế đồ họa (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vương Quốc Chính	Giáo dục Việt Nam
21	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
22	Âm nhạc 10 (Cánh Diều)	Nguyễn Hoàng Hậu (Tổng Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh (Chủ biên), Hoàng Hoa, Đỗ Thanh Hiền	Đại học Huế
23	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 (Cánh Diều)	Nguyễn Hoàng Hậu (Tổng Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh (Chủ biên), Hoàng Hoa	Đại học Huế
24	Giáo dục thể chất 10: Bóng đá (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Đức Anh, Nguyễn Văn Thành, Đinh Thị Mai Anh	Đại học Sư phạm
25	Giáo dục thể chất 10: Đá cầu (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng, Đinh Thị Mai Anh	Đại học Sư phạm
26	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Đại học Sư phạm

27	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Hoàng Gia Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân	Đại học Huế
28	Tiếng Anh 10 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
29	Tin học 10 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Đình Hóa, Lê Minh Hoàng, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thanh Tùng	Đại học Sư phạm
30	Chuyên đề học tập Tin học 10: Khoa học máy tính (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Trần Quốc Long	Đại học Sư phạm
31	Chuyên đề học tập Tin học 10: Tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Thanh Tùng	Đại học Sư phạm
32	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam
33	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn	Giáo dục Việt Nam
34	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liệt, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam

35	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
36	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Cánh Diều)	Nguyễn Thiện Minh (Tổng Chủ biên), Lê Hoài Nam (Chủ biên), Nguyễn Đức Hạnh, Phí Văn Hạnh, Nguyễn Ngọc Huynh, Uông Thiện Hoàng, Hoàng Lê Nam, Vũ Thị Nga, Nguyễn Văn Tình, Phạm Hữu Tuấn, Nguyễn Thanh Sơn, Lương Hồng Sinh	Đại học Sư phạm

Sách giáo khoa Lịch sử 10

TT	Tên sách	Tổng Chủ biên/ Chủ biên	Thuộc bộ sách	Nhà Xuất bản
1	Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thê Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hưởng	Cánh diều	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)

2. Sách giáo khoa 11

TT	Tên sách	Tổng Chủ biên/ Chủ biên	Thuộc bộ sách	Nhà Xuất bản
1	Toán 11, Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế,	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 11, Tập 2			

		Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn		
3	Chuyên đề học tập Toán 11	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Phạm Anh Minh		
4	Vật lí 11	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cương, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Chuyên đề học tập Vật lí 11	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Tưởng Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh		
6	Hóa học 11	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Đăng Đạt, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Chuyên đề học tập Hóa học 11	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai		
8	Sinh học 11	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Cao Phi Bằng, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Ngô Văn Hưng, Đoàn Văn Thược, Lê Thị Tuyết	Cánh diều	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
9	Chuyên đề học tập Sinh học 11	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Cao Phi Bằng, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Thị Trung Thu, Đoàn Văn Thược		

10	Tin học 11, Tin học ứng dụng	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Hồ Cẩm Hà, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thanh Tùng	Cánh điều	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
11	Chuyên đề học tập Tin học 11, Tin học ứng dụng	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Chí Trung (Chủ biên), Trần Văn Hưng, Phạm Thị Anh Lê		
12	Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh Điều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Hồ Cẩm Hà, Lê Minh Hoàng, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thanh Tùng		
13	Chuyên đề học tập Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh Điều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Đỗ Đức Đông (Chủ biên), Nguyễn Khánh Phương, Đỗ Phan Thuận		
14	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải, Khổng Vũ Quảng, Trương Hoàn Sơn, Nguyễn Hồng Sơn	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
15	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Phùng Xuân Lan, Trương Đức Phúc		
16	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bả, Cao Bá Cường, Phạm Kim Đăng, Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Bá Hiên, Trần Thị Bình Nguyên, Đỗ Thị Phương	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

17	Chuyên đề học tập Công nghệ 11	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bả, Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Trần Thị Bình Nguyên		
18	Ngữ văn 11, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
19	Ngữ văn 11, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân		
20	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân		
21	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phụng		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
22	Giáo dục thể chất - Bóng đá 11	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đinh Thị Mai Anh, Trần Đức Dũng, Nguyễn Văn Thành	Cánh diều	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
23	Giáo dục thể chất – Cầu lông 11	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đinh Thị Mai Anh, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch		
24	Giáo dục thể chất - Đá cầu 11	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng		
25	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Phạm Thị Hồng Diệp, Dương Thị Thúy Nga, Trần Thị Diệu Oanh,	Cánh diều	Nhà xuất bản Giáo

	11 (Cánh Điều)	Nguyễn Nhật Tân, Trần Văn Thắng, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận		đục Việt Nam
26	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Dương Thị Thúy Nga, Trần Thị Diệu Oanh, Hoàng Thị Thịnh		
27	Lịch sử 11	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Lê Hiến Chương, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm	Cánh điều	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
28	Chuyên đề học tập Lịch sử 11	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên) Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm		
29	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 011	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Nguyễn Nam Phương, Trần Thị Lệ Thu, Bùi Thanh Xuân	Cánh điều	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản- Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết : Nhà xuất bản Đại học Huế)
30	Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên), Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Thu Phương, Phạm Thị Ngọc Quỳnh, Phí Công Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

31	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên), Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh		
----	--	--	--	--

3. Sách giáo khoa 12

TT	Tên sách	Tổng Chủ biên/ Chủ biên	Thuộc bộ sách	Nhà Xuất bản
1	Toán 12, Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 12, Tập 2			
3	Chuyên đề học tập Toán 12			
4	Ngữ văn 12, tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Ngữ văn 12, tập 2			
6	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12			
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Phạm Thị Hồng Điệp,	Cánh diều	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản

8	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Dương Thị Thúy Nga, Nguyễn Nhật Tân, Trần Văn Thắng, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận		- Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
9	Vật lí 12	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Chuyên đề học tập Vật lí 12	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Tưởng Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh		
11	Hóa học 12	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Chuyên đề học tập Hóa học 12	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường; Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh		
13	Sinh học 12	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Chuyên đề học tập Sinh học 12	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Đoàn Long		
15	Lịch sử 12	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến	Cánh diều	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản

		Chương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết		- Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
16	Chuyên đề học tập Lịch sử 12	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Lê Hiến Chương, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết		
17	Địa lí 12	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
18	Chuyên đề học tập Địa lí 12	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương		
	Mỹ thuật 12			
19	Lý luận và Lịch sử MT	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương		
20	Hội họa	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
21	Thiết kế đồ họa	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vương Quốc Chính		
22	Kiến trúc	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang		
23	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May		
24	Âm nhạc 12	Nguyễn Hoàng Hậu (Tổng Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh (Chủ		Nhà xuất bản Giáo

		biên), Hoàng Hoa, Trần Vũ Lâm, Nguyễn Thị Tân Nhân.		dục Việt Nam
25	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12	Nguyễn Hoàng Hậu (Tổng Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh (Chủ biên), Nguyễn Mai Kiên, Trần Vũ Lâm	Cánh điều	
26	Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đình Thị Mai Anh, Trần Đức Dũng, Nguyễn Văn Thành	Cánh điều	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
27	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đình Thị Mai Anh, Trương Văn Minh		
28	Giáo dục thể chất 12 - Đá cầu	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đình Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng		
29	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân	Cánh điều	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
30	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
31	Tin học 12, Tin học ứng dụng	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên). Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Hồ Sĩ Bằng, Phạm Văn Đại, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thị Thùy Liên, Lê Anh Ngọc	Cánh điều	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam

32	Tin học 12, Khoa học máy tính	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Phạm Văn Đại, Hồ Cẩm Hà, Lê Anh Ngọc		(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
33	Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Chí Trung (Chủ Biên), Trương Công Đoàn, Nguyễn Duy Hải, Nguyễn Đình Hoá, Hà Mạnh Hùng		
34	Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Đỗ Phan Thuận (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Khánh Phương		
35	Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đông Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phượng, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn		
36	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đông Huy Giới, Kim Văn Vạn (đồng Chủ biên), Trương Đình Hoài, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
37	Công nghệ 12, Công nghệ Điện - Điện tử	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đình Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đặng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân		
38	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện - Điện tử	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đình Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Nguyễn Thị Thanh Vân		
39	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Nguyễn Thiện Minh (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Ưông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tình, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh.	Đại học Sư phạm	Đại học Sư phạm

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tự đánh giá: Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá năm học 2024-2025 và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, với các nội dung chủ đạo:

- Kiện toàn bộ máy: Nhà trường có kế hoạch bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và tuyển dụng thêm 05 giáo viên cho các môn: Toán, Tiếng Anh, Địa lý, Ngữ văn và Giáo dục Thể chất.
- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn: Tăng cường giao trách nhiệm cho tổ trưởng chuyên môn trong việc đổi mới sinh hoạt tổ theo hướng nghiên cứu bài học; vận động giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
- Đổi mới quản lý: Chủ động, linh hoạt trong điều hành nội dung chương trình; đẩy mạnh thi đua, khen thưởng công bằng, minh bạch và áp dụng các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực.
- Chuyển đổi số toàn diện: Nghiêm túc thực hiện chuyển đổi số, kết hợp dạy học trực tuyến với trực tiếp (đặc biệt trong ôn thi tốt nghiệp); sử dụng hồ sơ điện tử để nâng cao hiệu quả quản lý.
- Cá nhân hóa giáo dục: Tập trung bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, quản lý chặt chẽ tính chuyên cần của học sinh trong các giờ phụ đạo.
- Phát triển kỹ năng và năng khiếu: Đầu tư xây dựng các câu lạc bộ học thuật và thể dục thể thao; giao chỉ tiêu cụ thể cho các tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề thông qua hoạt động câu lạc bộ.
- Nâng cấp hạ tầng: Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất theo định hướng trường tiên tiến; rà soát, nâng cấp hệ thống internet cáp quang và bổ sung máy tính cấu hình cao phục vụ môn Tin học.
- Bổ sung học liệu: Mua sắm thêm thiết bị công nghệ, đồ dùng và các phần mềm dạy học đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Xây dựng mạng lưới hướng nghiệp có chất lượng; cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về tư vấn hướng nghiệp.
- Huy động nguồn lực: Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng kế hoạch vận động tài trợ để đầu tư cơ sở vật chất; phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh và Hội khuyến học.
- Thắt chặt kỷ cương: Tăng cường quản lý kỷ luật, hạn chế tình trạng học sinh nghỉ học không phép hoặc đi học muộn; đồng thời chú trọng nâng cao ý thức giữ gìn môi trường học tập và sinh hoạt chung.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh và số lượng lớp học cho năm học 2024 – 2025

Khối học	2023 – 2024	2024 - 2025	Quy mô hs/lớp	Ghi chú
Tiểu học	Chưa có lớp	Không tuyển		Do nhu cầu khu vực không đủ số lượng tối thiểu 10 hs/lớp
THCS	Chưa có lớp	KH tuyển sinh 01 lớp	20 – 26 hs/lớp	Căn cứ nhu cầu sẽ tuyển sinh vì trên thực tế ít học sinh khối 6 đăng ký
THPT	- 03 lớp 10 – 44 hs - 01 lớp 11 – 26 học sinh - 01 lớp 12 - 20 học sinh	- 04 lớp 10 (80 hs) - Tuyển bổ sung học sinh lớp 11 - Tuyển bổ sung học sinh lớp 12	20 – 26 hs/lớp	Duy trì ổn định các lớp hiện có;

- Ngoài việc tập trung tuyển mới các học sinh thuộc đầu cấp THCS, THPT nhà trường cũng sẽ tuyển bổ sung học sinh tất cả các lớp học từ lớp 11 đến lớp 12 khi có học sinh đăng ký; Dự kiến tối đa quy mô tuyển sinh năm học 2024 – 2024 là 150 học sinh (lũy kế không vượt quá quy mô 08 lớp học THPT và 01 lớp khối THCS),

- Tuyển sinh: Tập trung vào việc tiếp cận các đối tượng học sinh tiềm năng tại các trường trên địa bàn thành phố Từ Sơn và khu vực lân cận (Ninh Hiệp, Gia Lâm...)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, Kế hoạch giáo dục của Nhà trường từ đầu năm.

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Phối hợp quản lý: Nhà trường phân công nhân viên điếm danh thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh (CMHS) để thông báo kịp thời khi học sinh vắng mặt hoặc có vấn đề về chuyên cần,.

- Công cụ kết nối: Sử dụng bộ Quy tắc ứng xử dành cho giáo viên, CMHS và học sinh để xây dựng văn hóa học đường. Thông tin được trao đổi qua website, Fanpage và các ứng dụng giao tiếp (Zalo, Messenger).

- Huy động nguồn lực: Phát huy vai trò của Ban đại diện CMHS và Hội khuyến học trong việc xã hội hóa giáo dục và hỗ trợ các hoạt động phong trào.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập và rèn luyện

- Tư vấn tâm lý học đường: Thành lập Tổ tư vấn tâm lý, thiết lập "Góc tư vấn", tủ sách tâm lý và hộp thư góp ý để hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề cá nhân.

- Hệ thống Câu lạc bộ: Tổ chức các CLB năng khiếu và thể thao như Võ thuật, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Âm nhạc và Mỹ thuật,.

- Hoạt động trải nghiệm thực tế: Tổ chức tham quan, học tập tại các di tích lịch sử địa phương như Chùa Bút Tháp, Chùa Dâu, Đền Đô, Làng Diềm để tìm hiểu văn hóa.

- Hỗ trợ học tập chuyên sâu: Phân nhóm học sinh khối 12 theo năng lực để ôn thi tốt nghiệp; tổ chức phụ đạo riêng cho nhóm học sinh có nguy cơ trượt tốt nghiệp.

- Nội dung riêng biệt: Giảng dạy môn Võ thuật, Quản lý tài chính cá nhân và các kỹ năng học tập, ứng xử.

- Hướng nghiệp & STEM: Tổ chức dạy hàng tuần và thực hiện các chuyên đề tư vấn nghề nghiệp.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh

- Công khai thực đơn: Hàng tuần trên bảng tin của Nhà trường, Nhóm Zalo, Engage .

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Công tác tuyển sinh của cơ sở giáo dục

STT	Nội dung	2023-2024	2024-2025
1	Chỉ tiêu tuyển sinh	75	80
2	Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển	Xét tuyển
3	Số lượng tuyển sinh/Nữ	51/21	39/16
4	Tỷ lệ tuyển sinh	68%	48.8%
5	Tổng số học sinh/Số học sinh nữ	90/32	103/42

6	Số học sinh bình quân/lớp	27.6	27
7	Số học sinh học 02 buổi/ngày	90	103
8	Số học sinh là người dân tộc thiểu số/Nữ	0	0
9	Số học sinh khuyết tật/Nữ	0	0
10	Số học sinh chuyển đến/Nữ	4/1	1/0
11	Số học sinh chuyển đi/Nữ	0	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

STT	Nội dung	2023-2024	2024-2025
1	Kết quả học tập	Tỷ lệ	Tỷ lệ
-	<i>Giỏi</i>	7,8%	6,8%
-	<i>Khá</i>	64,4%	75,7%
-	<i>TB/Đạt</i>	27,8%	17,5%
-	<i>Yếu/Chưa đạt</i>	0	0
2	Kết quả rèn luyện	Tỷ lệ	Tỷ lệ
-	<i>Tốt</i>	77,8%	90,3%
-	<i>Khá</i>	13,4%	6,8%
-	<i>TB/Đạt</i>	8,8%	3,9%
-	<i>Yếu/Chưa đạt</i>	0	0
3	Số lượng học sinh được lên lớp	90 100%	103 100%
4	Số lượng học sinh không được lên lớp	0	0
5	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	2	2
6	Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	18	--
7	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0	0
8	Số lượng học sinh trúng tuyển đại học	12	--

c) Quy mô học sinh năm học 2024 - 2025

- Tổng số học sinh: Đầu năm 108 học sinh, cuối năm 103 học sinh (05 học sinh thôi học).

- Phân bổ: Khối 10 (35 HS), Khối 11 (43 HS), Khối 12 (25 HS))

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Nguồn thu: Chủ yếu từ học phí và nguồn vốn tự có của nhà đầu tư cùng các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp từ các tổ chức bên ngoài.

- Chính sách hỗ trợ: Nhà trường có chính sách giảm học phí cho phụ huynh và học sinh đăng ký sớm trong thời gian tuyển sinh, được công bố công khai; không áp dụng chính sách miễn học phí.

- Quản lý chi: Tập trung chi lương cho đội ngũ, duy tu cơ sở vật chất hiện có, tổ chức các hoạt động giáo dục trong, ngoài nhà trường và đầu tư học liệu, sách thư viện phục vụ học sinh.

1. Phần thu:

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Tiền học và các khoản thu	2.857.503.666	3.490.293.584
2	Thu tiền hỗ trợ học phí của nhà nước năm học 2022-2023	40.960.000	
Tổng thu (I):		2.898.463.666	3.490.293.584

2. Phần chi:

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Lương	1.825.435.849	2.184.861.700
2	Các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, ...)	167.718.512	207.592.038
3	Chi chuyên môn, văn phòng phẩm	927.436.763	910.155.879
4	Tiền điện, tiền nước, vệ sinh, dịch vụ viễn thông, tuyên truyền	43.383.307	29.985.359
5	Chi trả tiền nhà nước hỗ trợ học phí cho học sinh	40.960.000	
Tổng chi (II)		3.004.934.431	3.332.594.976

3. Lợi nhuận = (I) - (II):

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
	Lợi nhuận	(106.470.765)	157.698.608
1	Số Thuế TNCN đã nộp	41.586.343	48.918.916
2	Số thuế TNDN đã nộp		17.000.000
3	Tổng số thuế đã nộp	41.586.343	65.918.916

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe trẻ em, học sinh; thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực học sinh theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008: Nhà trường tổ chức khám sức khỏe đầu năm, lập hồ sơ sức khỏe của từng học sinh.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của Trường PTLC Lý Công Uẩn



Ths. Lê Cẩm Lê